TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** --- Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST Ngày: 09/4/2019 *V/v: Ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ **Ông Dương Xuân Đính.**

2/ **Bà Hoàng Thị Hòa.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:

Bà Hoàng Thu Thảo - Cán bộ Toà án nhân dân Huyện Đông Anh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên toà*:**

Bà Nguyễn Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 685/2018/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc "L*y hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX ngày 05/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST ngày 22/3/2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Phương N -** Sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Ngách D, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Kế toán.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Anh Hoàng Tiến D -** Sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã X, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2018, các lời khai bổ sung tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Phương N - nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Chị kết hôn với anh Hoàng Tiến D trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện

Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn X, xã X, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, vợ chồng sống hạnh phúc được đến khoảng cuối năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, anh D đi suốt, thỉnh thoảng mới về nhà, không quan tâm đến vợ con. Gia đình cũng đã khuyên giải nhiều nH không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Hoàng Nguyễn N sinh ngày 01/12/2012 và Hoàng Nguyễn Tuấn H sinh ngày 26/7/2014. Hiện nay các cháu có sức khỏe bình thường, cháu Nđang ở cùng mẹ, cháu Tuấn H đang ở cùng ông bà nội.

Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/1 tháng. Hiện nay chị đang làm kế toán tại Tổng Công ty Đ, thu nhập bình quân hàng tháng là 11.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh D không có tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các vấn đề trên chị N không trình bày gì thêm.

*** Anh Hoàng Tiến D – bị đơn:** Theo cung cấp của Công an xã X, huyện Đông Anh thì anh Hoàng Tiến D có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Hiện nay anh D đi đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về nên không thể tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và không lấy được lời khai của anh D.

Tại phiên tòa:

+ Chị Nguyễn Thị Phương N trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Hoàng Tiến D vì trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đã quá căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm kế toán tại Tổng Công ty Đ, thu nhập bình quân của chị được 11.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị không có tài sản chung, không có khoản nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn: Anh Hoàng Tiến D thường xuyên vắng nhà, không thể tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng của Tòa án, nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo qui định của pháp luật. Tại phiên tòa anh D vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến :

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định. Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay nguyên đơn đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì. Bị đơn vắng mặt, không hợp tác, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy chị Nguyễn Thị Phương N và anh Hoàng Tiến D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến khoảng cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh D không có trách nhiệm với gia đình vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Do vậy việc chị N xin ly hôn đối với anh D là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 207, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương N đối với anh Hoàng Tiến D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung. Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Chị N không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Hoàng Tiến D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2012 quyển số 01/2012 ngày 22/10/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị N có đơn xin ly hôn với anh D, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[2] Về tố tụng:

Anh Hoàng Tiến D có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, nH anh D thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, nên

không thể tống đạt được các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng qui định của pháp luật. Tại phiên tòa anh D vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị Nguyễn Thị Phương N và anh Hoàng Tiến D chung sống hạnh phúc được đến khoảng cuối năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, anh D thường xuyên đi vắng, thỉnh thoảng mới về nhà, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Gia đình cũng đã khuyên giải nhiều nH không có kết quả. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá căng thẳng và trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 chođến nay, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về phía anh D mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nH anh D vẫn vắng mặt tại Tòa án, không có ý kiến gì và cũng không nộp bất cứ một tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án cũng đã tiến hành ghi ý kiến của ông Hoàng Văn Nt và bà Hoàng Thị L là bố mẹ đẻ anh D, nhưng ông N và bà L từ chối không cung cấp ý kiến cho Tòa án.

Qua xác minh tại địa phương nơi anh D, chị N cư trú thì anh Hoàng Tiến D và chị Nguyễn Thị Phương N có đăng ký kết hôn và chun g sống tại xã X, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Quá trình anh chị chung sống địa phương không nắm rõ mâu thuẫn của anh chị, chỉ biết anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, hiện nay anh D đi đâu không rõ thỉnh thoảng mới về nhà. Nay chị N xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Xét thấy, chị N và anh D chung sống với nhau được khoảng một năm thì đã xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Mâu thuẫn giữa anh chị đã căng thẳng và trầm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N xin ly hôn anh D là có căn cứ và phù hợp theo qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh D.

Do anh D không đến Tòa án để tham gia tố tụng tại Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Phương N được ly hôn anh Hoàng Tiến D.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh D có 02 con chung là Hoàng Nguyễn Nsinh ngày 01/12/2012 và Hoàng Nguyễn Tuấn H sinh ngày 26/7/2014. Hiện nay các cháu có sức khỏe bình thường, cháu Nđang ở cùng mẹ, cháu Tuấn H đang ở cùng ông bà

nội. Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Theo xác nhận của Tổng Công ty Đ thì chị N hiện nay đang làm chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty tại Tổng Công ty Đ - Tập đoàn Đ Việt Nam, thu nhập bình quân là 12.000.000/1 tháng. Hiện nay chị N và cháu Hoàng Nguyễn N đang sống ổn định tại nhà bố mẹ đẻ tại D, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội, cháu Hoàng Nguyễn Tuấn H hiện nay đang sống cùng với ông bà nội tại thôn X, xã X, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Theo cung cấp của Công an xã X, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội cũng như lời khai của chị N thì hiện nay anh D đi đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về nhà, do vậy anh D không có đủ điều kiện để trông nom chăm sóc con. Để đảm bảo cuộc sống cũng như điều kiện dạy dỗ, trông nom, chăm sóc các cháu và cũng phù hợp nguyện vọng của chị N, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cả hai con chung cho chị N trực chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

Xét về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do hiện nay anh D vắng mặt, không có lời khai tại Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án, do vậy nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương N.

Chị Nguyễn Thị Phương N được ly hôn anh Hoàng Tiến D.

2. Về con chung**:** Chị N và anh D có 02 con chung là Hoàng Nguyễn Nsinh ngày 01/12/2012 và Hoàng Nguyễn Tuấn H sinh ngày 26/7/2014.

Giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2019 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008083 ngày 19/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị Phương N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Tiến D vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thu Huyền

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKS Đông Anh;
- THA Đông Anh;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.